

Dự thảo**BÁO CÁO**

**tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy về
phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng
công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ
giai đoạn 2021 - 2025**

Để phục vụ xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045, Tỉnh ủy tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 05-NQ/TU*) trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

**Phần I: Kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/11/2021 của
Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công
nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ
giai đoạn 2021 - 2025**

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Ngay sau khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU; các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung của Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, đảm bảo đưa nội dung phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ bền vững trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị các cấp.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**1. Kết quả thực hiện các mục tiêu****1.1. Các xã khu vực phía Tây Quảng Ngãi:**

a) Về mục tiêu nâng tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao chiếm 20 - 25% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp: Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 2.837.463,13 triệu đồng, chiếm **29,85%** tổng giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn khu Tây tỉnh, vượt mục tiêu Nghị quyết số 05-NQ/TU.

b) Về mục tiêu có 05 vùng nông nghiệp, 07 doanh nghiệp nông nghiệp được công nhận ứng dụng công nghệ cao: Hiện khu vực phía tây đã công nhận **02** vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹; đồng thời, xác định được **10** vùng² có tiềm năng hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao; đã công nhận **07** doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao³.

Tuy nhiên, mục tiêu hình thành **05** vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp khó khăn do quy mô các vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh khó đáp ứng các tiêu chí tại Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”.

c) Về mục tiêu thu hút 05 dự án đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 05 cơ sở chế biến sâu có sức cạnh tranh cao: Đã thu hút **20** dự án đầu tư về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng vốn đăng ký 3.553,073 tỷ đồng; hình thành mới **13** nhà máy, cơ sở chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, nâng tổng số lên 37 nhà máy, cơ sở chế biến trên địa bàn khu Tây.

d) Về mục tiêu xây dựng ít nhất 10 sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia: Toàn khu Tây có **04** sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị quốc gia; hiện có 08 sản phẩm OCOP tiềm năng 5 sao và 08 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tiềm năng cấp quốc gia đang được các cơ quan Trung ương xem xét, công nhận.

1.2. Các xã khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ngãi:

¹ Vùng sản xuất cà phê Đăk Hà (nay gồm các xã Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo và Đăk Hà); Vùng sản xuất rau, củ, quả Măng Đen, huyện Kon Plông (nay là xã Măng Đen)

² Tại thành phố Kon Tum (nay là Phường Kon Tum, phường Đăk Cẩm, xã Ia Chim, xã Đăk Rơ Wa, xã Đăk Bla, xã Ngọc Bay): Vùng cây ăn quả 300 ha; vùng cà phê vối 300 ha; vùng rau, củ, quả 50 ha. Tại huyện Kon Plông (nay là xã Măng Đen): Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoa các loại 52 ha. Tại huyện Đăk Gle (nay là xã Xốp và xã Đăk Choong): Vùng cà phê vối 358 ha. Tại huyện Đăk Tô (nay là xã Ngọc Tụ, xã Đăk Tô, xã Kon Đào): Vùng cà phê vối 300 ha, vùng cây ăn quả 300 ha. Tại huyện Đăk Hà (nay gồm các xã Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo và Đăk Hà): Vùng cây ăn quả 300 ha. Tại huyện Tu Mơ Rông (nay là các xã Đăk Sao, Đăk Tờ Kan, Tu Mơ rông và Măng Ri): Vùng được liệu 2.800ha. Tại huyện Ia H'Drai (nay là xã Ia Toi và Ia Dal): Vùng cây ăn quả 300 ha.

³ Công ty TNHH Việt Khang Nông (huyện Kon Plông, nay là xã Măng Đen; Công ty TNHH CB NLS Nghĩa Phát (huyện Đăk Hà) nay là xã Đăk Mar; Công ty TNHH APANAX (huyện Đăk Hà nay là xã Đăk Hà - tỉnh Quảng Ngãi); Công ty TNHH CNSH R&D (thành phố Kon Tum, nay là Phường Kon Tum); Công ty TNHH Yên sào Kon Tum (thành phố Kon Tum) nay là Phường Đăk Cẩm; Công ty Tá Tiến (huyện Đăk Hà, nay là xã Đăk Hà); Công ty thảo dược Tây Nguyên (huyện Đăk Tô, nay là xã Đăk Tô).

Mặc dù chưa có Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng đi vào chiều sâu, bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, song sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đạt được một số kết quả tích cực. Đến nay, toàn tỉnh đã được cấp 22 mã số vùng trồng; trong đó đã kiểm tra và cấp 05 mã số vùng trồng đưa hầu phục vụ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc với tổng diện tích 81 ha. Bên cạnh đó, khoảng 116,5 ha sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), với sản lượng ước đạt khoảng 2.132,8 tấn/năm. Đồng thời, một số mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản từng bước được hình thành và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

2. Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ giải pháp cụ thể

2.1. Về công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ: Được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, có sức lan tỏa cao, gắn với Cuộc vận động "*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững*"; thực hiện 141 tin, 105 bài, 90 phóng sự và các chuyên mục được thực hiện 4 tuần/1 số; trong đó, một số nội dung nổi bật như: Bận của nhà nông; Chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng nông thôn mới ... Các tin, bài, phóng sự được biên dịch ra 4 thứ tiếng Bah Nar, Xơ Đăng, Giẻ - Triêng, Gia Rai; đồng thời, lựa chọn một số nội dung phù hợp để phát sóng trên kênh VTV5 của Đài Truyền hình Việt Nam.

2.2. Về công tác quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ngành công nghiệp chế biến

- Đã triển khai bồi dưỡng công chức, viên chức nâng cao năng lực quản lý, thực hiện nghiệp vụ về nông nghiệp⁴; đào tạo nghề cho 11.255 lao động nông thôn⁵; triển khai 275 lớp tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, quản lý tổ chức hoạt động hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng chuỗi liên kết giá trị với 10.180 lượt người tham gia⁶; xây dựng 53 mô hình trình diễn sản xuất,

⁴ Triển khai 03 hội nghị và 01 khóa đào tạo: "Nâng cao nghiệp vụ về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa", "Đổi mới hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng để phát triển kinh tế - xã hội" và "Hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về đo lường và năng suất chất lượng" với sự tham gia của trên 200 lượt cán bộ, công chức các cơ quan liên quan và đại diện các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức 01 khóa đào tạo về "Quản lý năng suất chất lượng, nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm, hàng hóa và thương hiệu doanh nghiệp" cho 53 cán bộ, công chức phụ trách công tác tham mưu quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh và 01 hội nghị tập huấn kỹ thuật sản xuất bền vững các loại cây ăn quả trên địa bàn tỉnh.

⁵ Năm 2021 đào tạo nghề cho 2.678 học viên; năm 2022 đào tạo nghề cho 2.156 học viên; năm 2023 đào tạo nghề cho 3.344 học viên; năm 2024 đào tạo nghề cho 1.775 học viên.

⁶ Lĩnh vực trồng trọt có 147 lớp tập huấn với khoảng 5.880 lượt người tham gia, xây dựng 13 mô hình sản xuất bền vững; lĩnh vực khuyến nông có 71 lớp tập huấn với 2.126 lượt người tham gia và 36 mô hình trình diễn tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất; lĩnh vực phát triển nông thôn có 15 lớp tập huấn với 903 lượt người tham gia; lĩnh vực

chăn nuôi để nhân rộng.

- Đã khảo sát, tích hợp các vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, tổng diện tích đất nông nghiệp để hình thành các khu, vùng, dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được quy hoạch là 34.123 ha⁷.

- Trên địa bàn khu Tây tỉnh đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung quy mô lớn⁸. Diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đạt 27.277,2 ha/197.993,8 ha tổng diện tích gieo trồng; trong đó, diện tích cây trồng sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng được chứng nhận đạt 2.506,6 ha. Đã triển khai cấp 47 mã số vùng trồng gồm 37 mã xuất khẩu và 12 mã tiêu thụ nội địa với diện tích 703,03 ha đối với các loại cây trồng như: sầu riêng, mít, chuối, chanh dây, dứa, mắc ca, cà phê, xạ đen; 02 mã số cơ sở đóng gói chuối và chanh dây với diện tích 2.169m². Toàn khu vực có 142 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại, trong đó có 31 cơ sở đã áp dụng công nghệ tiên tiến; 33 cơ sở thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, trong đó: có 22 liên kết chăn nuôi lợn; 09 liên kết chăn nuôi gia cầm; 02 liên kết sản xuất thức ăn.

- Tổng diện tích trồng rừng ứng dụng công nghệ cao (*sử dụng giống được sản xuất từ phương pháp nuôi cấy mô*) đạt 1.981ha/17.874ha diện tích trồng rừng đã thực hiện, chủ yếu là keo lai (956 ha) và Bạch đàn cự vĩ (1.025 ha), chiếm tỷ lệ 11%. Các đơn vị đã sử dụng công nghệ GIS và viễn thám; hệ thống định vị toàn cầu (GPS) trong theo dõi diễn biến rừng và tuần tra bảo vệ rừng. Các loại dược liệu được trồng tự nhiên, an toàn theo hướng hữu cơ đạt 3.394 ha/8.443,65 ha. Một số kỹ thuật, công nghệ ứng dụng trong sản xuất dược liệu như: sản xuất trong nhà màng, sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật, tưới tự động...

- Từ khi triển khai Nghị quyết đến nay, đã thu hút 20 dự án đầu tư về lĩnh vực nông nghiệp với tổng vốn đăng ký 3.553 tỷ đồng; thành lập mới 13 nhà máy, cơ sở chế biến nông lâm sản, dược liệu; 82 hợp tác xã nông nghiệp. Có 21 hợp tác xã,

chăn nuôi có 17 lớp tập huấn với 500 lượt người tham gia, xây dựng các mô hình trình diễn các kỹ thuật chăn nuôi, chông trại, mô hình nuôi ong; lĩnh vực chế biến có 25 lớp tập huấn với 771 người tham dự...

⁷ Trong đó: Thành phố Kon Tum 245 ha (nay là Phường Kon Tum, phường Đăk Cẩm, xã Ia Chim, xã ; Đăk Rơ Wa, xã Đăk Bla, xã Ngọc Bay) 245 ha; các huyện: Đăk Hà Hà (nay gồm các xã Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo và Đăk Hà), 4.295 ha, Kon Plông 446 ha, Đăk Tô Tô (nay là xã Ngọc Tụ, xã Đăk Tô, xã Kon Đào) 2.830 ha, Ngọc Hồi (nay là xã Bờ Y, Sa Loong và Dục Nông) 4.296 ha, Kon Rẫy rẫy (nay là xã Đăk Kôi, Kon Braih, Đăk Rve) 1.362 ha, Đăk Glei (nay là xã Xốp, Ngọc Linh, Đăk PLô, Đăk Pék, Đăk Môn và xã Đăk Long) 110 ha, Sa Thầy 1.727 ha, Ia H'Drai (nay là xã Ia Toi và Ia Dal) 10.847 ha, Tu Mơ Rông 7.964 ha.

⁸ Đã hình thành các vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn như: Các vùng sầu riêng tại huyện Ia H'Drai (nay là xã Ia Toi và Ia Dal) với diện tích 300 ha, tại huyện Đăk Hà Hà (nay gồm các xã Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo và Đăk Hà) với diện tích 265 ha, tại Kon rẫy (nay là xã Đăk Kôi, Kon Braih, Đăk Rve) với diện tích gần 400 ha; vùng rau, củ quả xứ lạnh huyện Kon Plông (nay là xã Măng Đen) với diện tích hơn 400 ha; các vùng chuối tại Ia H'Drai (nay là xã Ia Toi và Ia Dal) với diện tích 56,2 ha, tại thành phố Kon Tum 20 ha (nay là xã Ia Chim, tỉnh Quảng Ngãi), tại huyện Đăk Hà (nay gồm các xã Đăk Pxi, Đăk Mar, Đăk Ui, Ngọc Réo và Đăk Hà) 30 ha...

trang trại⁹ ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và chế biến; năng lực của đội ngũ quản lý hợp tác xã ngày càng được cải thiện¹⁰. Toàn khu Tây có 242 sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao, gồm 01 sản phẩm 5 sao, 27 sản phẩm 4 sao, 214 sản phẩm 3 sao.

2.3. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông sản:

Đã thực hiện tốt Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thu hút đầu tư vào tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 gồm 69 dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, 09 dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến. Đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ quảng bá, mở rộng thị trường¹¹ đối với các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; hỗ trợ thiết kế 06 logo và 21 nhãn hiệu cho 12 đơn vị trên địa bàn.

2.4. Về huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Đã bố trí, lồng ghép các nguồn ngân sách nhà nước¹² để hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt 30.447 tỷ đồng (*chiếm 63,9%/tổng dư nợ*), tăng 1,0% (*tương ứng 291 tỷ đồng*) so với thời điểm cuối năm 2023. Trong đó, dư nợ tín dụng đối với Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch đạt 85 tỷ đồng (*chiếm 0,2%/tổng dư nợ*).

2.5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Công tác chuyển đổi số phục vụ quản lý nhà nước lĩnh vực nông nghiệp

⁹ Gồm: 18 Hợp tác xã (05 HTX sản xuất và chế biến cà phê, 02 HTX sản xuất rau, hoa các loại, 07 HTX trồng cây ăn quả, 04 HTX sản xuất và chế biến dược liệu, các loại khác: 03 HTX); và 03 trang trại (02 trang trại trồng cây ăn quả, 01 trang trại sản xuất và chế biến dược liệu).

¹⁰ Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã là 360 người, trình độ cao đẳng, đại học có 93 người, trình độ trung cấp, sơ cấp có 267 người.

¹¹ Gồm: Tổ chức cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở công nghiệp nông thôn tham dự các Hội chợ trong nước và nước ngoài để trưng bày, quảng bá các sản phẩm đặc trưng của tỉnh; thường xuyên kết nối, đưa các sản phẩm đạt chuẩn OCOP vào các điểm bán hàng OCOP tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh... Tổ chức đoàn doanh nghiệp tham gia các Hội nghị kết nối giao thương tại các tỉnh, thành phố.

¹² Xây mạng lưới giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất với kinh phí khoảng 2.700 tỷ đồng. Bố trí, lồng ghép các nguồn kinh phí để hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất cà phê xứ lạnh (tại 03 huyện Tu Mơ Rông (nay là xã Đăk Sao, Đăk Tô Kan, Tu Mơ Rông và Măng Ri), Kon Plông (nay là xã Măng Đen, Măng Bút và Kon Plông), Đăk Glei (nay là xã Xốp, Ngọc Linh, Đăk Plô, Đăk Pék, Đăk Môn và Đăk Long)) hơn 06 tỷ đồng. Triển khai 17 đề án với gần 06 tỷ đồng từ nguồn vốn Khuyến công để hỗ trợ mua sắm máy móc chế biến sản phẩm nông nghiệp và tổ chức hỗ trợ tham gia quảng bá sản phẩm; bố trí 15 tỷ đồng nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học để triển khai các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoảng 09 tỷ đồng.

được quan tâm triển khai thực hiện¹³. Toàn khu Tây hiện có 116.656 hộ sản xuất nông nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử; 143.472 hộ được đào tạo kỹ năng số; 2.651 sản phẩm được đưa lên sàn và 15.383 giao dịch trên các sàn thương mại điện tử¹⁴.

- Đã triển khai 11 nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh nghiên cứu, thử nghiệm đối với một số giống cây trồng, vật nuôi mới và các công nghệ chế biến, bảo quản nông sản. Ký kết hợp đồng và tổ chức triển khai 06 dự án về chuyển giao ứng dụng, hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc và chế biến các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh¹⁵. Có 05 dự án được phê duyệt hỗ trợ, chuyển giao công nghệ sản xuất một số sản phẩm dược liệu, nông nghiệp, trong đó 01 dự án đã được nghiệm thu cấp tỉnh, 04 dự án đang trong giai đoạn triển khai. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực xét nghiệm, giám định nguồn gốc gen và thành phần hoạt chất các sản phẩm Sâm Ngọc Linh; hiện đã hoàn thành nghiệm thu, đưa vào sử dụng hiệu quả dự án "Cải tạo, sửa chữa phòng thí nghiệm, kiểm định và mua sắm thiết bị tại Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được triển khai quyết liệt, đúng tiến độ. Nhận thức, tư duy của người dân và doanh nghiệp có bước chuyển biến từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa, tập trung, quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; công tác quản lý nhà nước, cơ chế chính sách, huy động nguồn lực và chuyển đổi số được quan tâm triển khai đồng bộ. Đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh; diện tích sản xuất ứng dụng khoa học - kỹ thuật đạt 27.277,2 ha (*tăng khoảng 24.000 ha so với đầu nhiệm kỳ*), trong đó diện tích sản xuất được chứng nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng đạt 2.506,6 ha (*tăng hơn 1.700 ha so với đầu nhiệm kỳ*). Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 29,85% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Sản phẩm nông nghiệp sau chế biến ngày càng đa dạng, hoàn

¹³ Cập nhật dữ liệu về sản xuất nông lâm nghiệp trên hệ thống dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hệ thống Thông tin báo cáo của tỉnh; thực hiện tốt việc vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý rừng (kiểm soát hiện trạng rừng, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, mất rừng,...); phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã, phần mềm dự báo cháy rừng; phần mềm quản lý công trình nước sạch nông thôn; phần mềm quản lý vùng nguyên liệu...

¹⁴ Các Sàn thương mại điện tử: <http://voso.vn>; <https://postmart.vn>; <https://kontumtrade.gov.vn>.

¹⁵ Chương trình phát triển sản phẩm Sâm Ngọc Linh: (1) Hoàn thiện quy trình sản xuất cây giống Sâm Ngọc Linh từ hạt ở quy mô công nghiệp tại tỉnh Kon Tum; (2) Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, bảo vệ thực vật, thu hoạch, sơ chế, bảo quản Sâm Ngọc Linh ở quy mô công nghiệp tại tỉnh Kon Tum; (3) Hoàn thiện quy trình sản xuất cây giống in-vitro bằng công nghệ tế bào ứng dụng bioreactor và sản xuất Sâm Ngọc Linh tại tỉnh Kon Tum; (4) Hoàn thiện quy trình sản xuất cây giống Sâm Ngọc Linh từ hạt trong vườn ươm thông minh phục vụ sản xuất tại tỉnh Kon Tum; (5) Hoàn thiện quy trình ứng dụng chỉ thị phân tử và công nghệ phá ngủ nghỉ trong sản xuất giống ổn định, hiệu quả và canh tác Sâm Ngọc Linh tập trung trong nhà màng; (6) Hoàn thiện quy trình và sản xuất thử nghiệm viên sủi bọt có tác dụng tăng lực từ Sâm Ngọc Linh và Nhộng trùng thảo.

thiện về mẫu mã, chất lượng nâng lên, được thị trường đón nhận. Phát triển nông nghiệp hàng hóa đã tạo việc làm, góp phần cải thiện đời sống cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Khuyết điểm, hạn chế: Việc huy động nguồn lực, các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đáp ứng yêu cầu. Liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng hóa nông sản theo chuỗi giá trị chưa phổ biến. Việc hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp nhiều khó khăn, áp dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện kinh tế của người nông dân còn nhiều khó khăn, nhất là người dân ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư sản xuất.

- Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ngày càng nhiều, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng phức tạp, thiên tai thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng nông nghiệp (giao thông, thủy lợi, điện, hạ tầng số) chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Việc hình thành vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cần đáp ứng các tiêu chí¹⁶ về quy mô lớn, liên vùng, liên thửa nên không phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Chi phí đầu tư khoa học - công nghệ vào hoạt động sản xuất rất cao, dẫn đến việc đầu tư sản xuất quy mô lớn theo hướng hàng hóa còn hạn chế. Vùng nguyên liệu mới chỉ bước đầu hình thành, sản lượng cung cấp chưa ổn định.

- Việc tiếp cận nguồn vốn ưu đãi đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế¹⁷. Chuyển đổi số trong nông nghiệp là lĩnh vực mới, còn lúng túng trong triển khai thực hiện.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trình độ tiếp cận, ứng dụng các giải pháp công nghệ của các chủ thể trong sản xuất, chế biến nông sản còn hạn chế. Năng lực tổ chức hoạt động, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của các hợp tác xã, tổ hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức khoa học còn chưa chặt chẽ, thiếu bền vững.

- Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu, quản lý nhà nước

¹⁶ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

¹⁷ Đối tượng được quan tâm và là chủ thể chính hiện nay trong tổ chức sản xuất là các Hợp tác xã; tuy nhiên, đối tượng này không được công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hợp tác xã cũng không phải đối tượng thụ hưởng chính sách Nghị định 57 nên chưa tiếp cận được nguồn vốn vay.

trong nông nghiệp còn thiếu, năng lực có mặt còn hạn chế, nhất là ở cơ sở.

Phần II: Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong thời gian đến

I. QUAN ĐIỂM

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược; gắn liền với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp dựa trên tiềm năng và lợi thế của từng vùng; hình thành các vùng sản xuất tập trung, ổn định; ưu tiên phát triển sản phẩm chủ lực, đặc hữu, nhất là dược liệu gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, cụ thể: Tại khu vực phía Tây ưu tiên phát triển các sản phẩm như dược liệu, cà phê, cây ăn quả, chăn nuôi, lâm nghiệp; khu vực phía Đông ưu tiên phát triển các sản phẩm như lúa, thủy sản, logistics và cảng biển.

- Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Lấy doanh nghiệp làm hạt nhân dẫn dắt chuỗi giá trị, hợp tác xã là nền tảng tổ chức sản xuất, nông dân là chủ thể; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, điều phối và dẫn dắt phát triển theo chuỗi ngành hàng.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

1.1. Mục tiêu tổng quát

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền.

- Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

- Phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP và tương đương khoảng 4.000 ha; hình thành vùng trồng được liệu tập trung khoảng 8.000 ha và trở thành tỉnh sản xuất được liệu lớn của cả nước; có thêm 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; thu hút từ 01- 02 doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp.

- Duy trì ổn định diện tích lúa nước hiện có, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, chuyển đổi diện tích trồng lúa không hiệu quả; phân đầu diện tích cà phê xứ lạnh đạt từ 7.000 ha trở lên; diện tích cây ăn quả đạt khoảng 16.000 - 18.000 ha, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Phân đầu hình thành và được cấp thêm 30 mã số vùng trồng, 10 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu; thành lập mới khoảng 50 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã; công nhận 300 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 50 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao; có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định; Có ít nhất 20 - 30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...).

- Phân đầu 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có chứng nhận an toàn dịch bệnh, phát triển thêm 01 trang trại bò sữa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật. Hình thành thêm 02 cơ sở giết mổ tập trung ở phía Đông của tỉnh.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.530 ha, phát triển 2.500 ô lồng nuôi trên biển; sản lượng nuôi trồng đạt 17.547 tấn, sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm; hình thành thêm 02 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Định hướng đến năm 2045

Nông nghiệp tỉnh phát triển hiện đại, toàn diện theo hướng sinh thái, bảo vệ môi trường; 100% các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ đạt 30 - 35% giá trị sản phẩm nông nghiệp chung của tỉnh. Nông thôn hiện đại, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; nông dân có mức thu nhập cao.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Tăng cường quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về quan điểm, mục tiêu, nội dung phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; làm rõ vai trò trung tâm của người nông dân, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp và vai trò kiến tạo của Nhà nước. Đổi mới hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng, từng ngành hàng.

- Xây dựng và duy trì các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội về nông nghiệp bền vững; thường xuyên giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, chuỗi liên kết thành công, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm có tiềm năng chế biến và xuất khẩu, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy học tập, nhân rộng.

- Tổ chức, phát động các phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát huy vai trò nòng cốt của hệ thống khuyến nông thông qua xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả, gắn tập huấn, đào tạo với thực tiễn sản xuất; khuyến khích người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án phát triển vùng nguyên liệu bền vững, tuân thủ nghiêm các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp về phát triển nông nghiệp bền vững, kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến và hội nhập thị trường; nâng cao năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát; tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

- Thực hiện tốt công tác khảo sát, xây dựng, tích hợp quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh vào quy hoạch vùng và quy hoạch quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là doanh nghiệp chế biến sâu, bảo quản, logistics nông sản. Thực hiện hiệu quả chính sách tạo quỹ đất, giao đất, cho thuê đất, ưu đãi đầu tư; đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với tiêu chuẩn hóa sản xuất và tự động hóa.

- Tăng cường liên kết và phát huy hiệu quả vai trò của “4 nhà”: Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Doanh nghiệp, bảo đảm hội tụ đầy đủ các yếu tố về cơ chế, chính sách, vốn, khoa học - công nghệ và thị trường để phát triển nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể sản xuất áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; tăng cường quản lý nhà nước về thú y, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm; bảo đảm chất lượng và tính bền vững của vùng nguyên liệu phục vụ chế biến. Xây dựng và duy trì, đảm bảo chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

3. Tái cơ cấu sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến

- Rà soát, đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ và tập trung đất đai; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Tiếp tục hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ổn định gắn công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; phát triển các “cánh đồng lớn” trong nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái tại những địa bàn có điều kiện thuận lợi. Ưu tiên phát triển các loại cây ăn quả chủ lực phục vụ chế biến và xuất khẩu như chuối, chanh dây, dưa, sầu riêng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị ngành trồng trọt.

- Tập trung cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi theo hướng phát triển trang trại, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung gắn với cơ sở giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; phát triển các giống vật nuôi chủ lực, đặc sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện từng địa phương.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản, tăng chất lượng sản phẩm từ nuôi trồng; giảm số lượng tàu cá và ổn định sản lượng khai thác thủy sản để phục hồi nguồn lợi thủy sản; phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực, sản phẩm đặc hữu gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và thị trường tiêu thụ.

- Hình thành và phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản gắn với các khu, cụm công nghiệp; bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa vùng sản xuất nguyên liệu với cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức xây dựng, nhân rộng các mô hình khuyến nông hiệu quả trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, làm cơ sở thúc đẩy liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp thông qua hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh, ưu tiên hỗ trợ các Hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ dân xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông nghiệp, thủy sản

- Cụ thể hóa, triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp chế biến. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp và các hình thức hỗ trợ phù hợp.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát và kiểm định chất lượng nông sản; nâng cao năng lực dự báo, phân tích thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng và triển khai chiến lược xúc tiến thương mại nông sản theo chuỗi giá trị, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, chú trọng thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi; áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thương hiệu nông sản của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ trong hệ thống phân phối hiện đại và xuất khẩu.

5. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước gắn với việc huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa; đồng thời đẩy mạnh lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra.

- Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, vùng nguyên liệu tập trung, khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh liên kết vùng, kết nối hạ tầng sản xuất - chế biến - tiêu thụ đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp để phát triển hệ thống thủy lợi.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các vùng trồng dược liệu tập trung đối với các loài dược liệu đặc hữu, có thể mạnh, giá trị cao và sức tiêu thụ lớn trên thị trường (như Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Lan Kim Tuyến, Quế Trà Bồng...).

6. Đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản, đất đai, nguồn nước, khí hậu, dịch bệnh; phát triển bản đồ số nông nghiệp và các nền tảng kết nối, chia sẻ thông tin phục vụ quản lý, sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; từng bước phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch.

- Tăng cường xây dựng và triển khai các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học - công nghệ trong nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác với các Viện nghiên cứu, trường Đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến sâu trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững; xây dựng môi trường thuận lợi cho hoạt động ươm tạo, thử nghiệm, trình diễn và nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mở rộng mạng lưới hỗ trợ thông tin, dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng TW và các vụ địa phương (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy: các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY